TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 24/9/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Thanh Tâm

2. Ông Phạm Quốc Thân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Hoàng Thanh D, sinh năm 1977. Địa chỉ: 720/3 DT 768, tổ A, ấp B, xã Thạnh P, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982 và bà Đinh Thị Thu P, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: 213A HTT, tổ 2, khu phố C, phường Xuân T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1978. Địa chỉ: 720/3 DT 768, tổ A, ấp B, xã Thạnh P, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Ông Mai Hoàng Thanh D trình bày:

Vào ngày 21 tháng 01 năm 2022, vợ chồng Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P có đến nhà ông để vay tiền với lý do cần tiền để xoay xở làm ăn tại Công T y gỗ. Do trước đây từng là bạn bè, làm chung công T y, nên ông đã cho ông T và bà P mượn số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, không lấy lãi. Ông T và bà P hứa sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên trước ngày 30 tháng 5 năm 2022. Khi mượn tiền Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P có lập giấy mượn tiền (đánh máy) đề ngày 21 tháng 01 năm 2022 giao cho vợ chồng ông làm tin nhưng ký ghi rõ họ tên người mượn tiền vào ngày 22 tháng 01 năm 2022. Đến hạn trả tiền, vợ chồng ông T và bà P không T hực hiện việc trả nợ, vợ chồng ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng không có kết quả. Đến ngày 04 tháng 8 năm 2022, vợ chồng ông T và bà P có viết giấy cam kết trả nợ, xin gia hạn đến ngày 04 tháng 9 năm 2022 sẽ trả xong số tiền đã mượn. Tuy nhiên, đến nay ông T và bà P vẫn không T rả nợ cho vợ chồng ông nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Quốc T cùng vợ là bà Đinh Thị Thu P phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền đã mượn là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bà Trần Thị Anh T trình bày:

Bị đơn Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P là bạn của chồng bà. Ngày 21 tháng 01 năm 2022, vợ chồng bị đơn cần tiền làm ăn nên có vay của vợ chồng bà số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và hứa sẽ hoàn trả trước ngày 30/5/2022. Khi vay tiền, ông bà không lấy lãi và bị đơn có lập giấy mượn tiền (đánh máy ghi ngày mượn tiền là 21/01/2022), ký ghi rõ họ tên vào đúng ngày 22/01/2022. Quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không T rả số tiền đã mượn nên ông bà yêu cầu bị đơn viết giấy "Cam kết trả nợ" vào ngày 04/8/2022 tại một quán cà phê. Giấy cam kết trả nợ được Ông Nguyễn Quốc T viết trên tờ giấy ô li và ông bà có quay lại cảnh ông T đang viết giấy, ngồi bên cạnh ông T là bà Đinh Thị Thu P. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P phải thanh toán cho vợ chồng bà số tiền đã vay mượn là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

* *Tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp*: Đơn khởi kiện; Bản sao căn cước công dân Mai Hoàng Thanh Danh, bản sao sổ hộ khẩu hộ Trần Thị Anh Thơ; Giấy cam kết trả nợ, giấy mượn tiền (photo); Đơn yêu cầu không hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại; Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí (liên 2); Bản tự khai đề ngày 20/3/2023; Giấy cam kết trả nợ đề ngày 04/8/2022, giấy mượn tiền đề ngày 22/01/2022 (bản gốc); 01 đoạn video được lưu vào USB + bản tường trình về nguồn gốc đoạn video đề ngày 31/3/2023; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/6/2023; Đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 10/8/2023; Báo lao động ngày 24,25,26 tháng 8 năm 2023; Hợp đồng quảng cáo, hóa đơn giá trị gia tăng của Báo Lao động; Hợp đồng thông T in với Đài Tiếng nói Việt Nam.

* *Tài liệu chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp*:

- Căn cước công dân Trần Thị Anh Thơ (photo); Bản tự khai đề ngày 20/3/2023; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/6/2023.

* *Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập:* Biên bản xác minh tại Công an phường Xuân Trung ngày 13/3/2023; Biên bản lấy lời khai Bà Trần Thị Anh T ngày 15/5/2023; Kết quả xác minh tại Công an phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Bông ngày 09/8/2023; Biên bản xác minh tại Công an phường Xuân Trung ngày 09/8/2023.

* Bị đơn là Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào mặc dù đã được Tòa án thông báo nội dung vụ việc và lịch làm việc trên phương tiện thông T in đại chúng, nên vụ án không T iến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án thông báo lịch làm việc, công khai chứng cứ và lịch mở phiên tòa xét xử vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ông Mai Hoàng Thanh D, buộc Ông Nguyễn Quốc T và Đinh Thị Thu Phước có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thụ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, Ông Mai Hoàng Thanh D có đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P phải trả số tiền nợ đã mượn nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định bị đơn Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P có nơi cư trú tại phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn ký giấy mượn tiền vào ngày 22/01/2022 nên xác định hợp đồng vay tài sản được xác lập vào ngày 22/01/2022; ngày 04/8/2022 bị đơn viết giấy cam kết trả nợ và cam kết đến ngày 04/9/2022 sẽ thanh toán xong cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đã mượn tuy nhiên sau đó không T hực hiện. Ngày 11 tháng 01 năm 2023, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân

dân thành phố Long Khánh là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các bên đương sự: Nguyên đơn Ông Mai Hoàng Thanh D đã ghi đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P theo địa chỉ được ghi trong giấy cam kết trả nợ đề ngày 04/8/2022, ông T và bà P thay đổi nơi cư trú mà không T hông báo cho ông Danh biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án không xác định được bị đơn đang ở đâu, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông T in đại chúng về việc thụ lý vụ án; lịch mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; lịch xét xử vụ án cho Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T và bà P không đến Tòa án làm việc; không T ham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Nguyên đơn Ông Mai Hoàng Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có bất kỳ ý kiến hay yêu cầu gì nên vụ án không T iến hành hòa giải được. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đã mượn là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 22/01/2022 (bản gốc); Giấy cam kết trả nợ đề ngày 04/8/2022, 01 đoạn video dài 01 phút 31 giây được lưu vào USB xác định người viết giấy cam kết trả nợ ngày 04/8/2022 là Ông Nguyễn Quốc T. Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2023, Công an phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh xác định người đàn ông mặc áo sơ mi, kẻ sọc đang ghi giấy "Cam kết trả nợ" là Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982; số định danh cá nhân 075082019364; nơi thường trú số nhà 213A HTT, tổ 2, khu phố C, phường Xuân T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai; ông T là con ruột của bà Nguyễn Thị Bông và ông Nguyễn Thanh Thuận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023, bà Nguyễn Thị Bông, sinh năm 1961, bà Bông xác nhận người đàn ông đang viết giấy trong đoạn video là con trai của bà Nguyễn Quốc Thanh, người phụ nữ ngồi bên cạnh là con dâu của bà Đinh Thị Thu P. Như vậy, căn cứ các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở xác định Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P mượn của Ông Mai Hoàng Thanh D và Bà Trần Thị Anh T số tiền 700.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, không xác định được Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P đang ở đâu, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông T in đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để ông T và bà P biết được nội dung vụ án và thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông bà không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày cho Tòa án, điều

này thể hiện ông T và bà P đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Căn cứ nội dung giấy mượn tiền và cam kết trả nợ của bị đơn; lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng là tài sản chung vợ chồng giữa nguyên đơn Ông Mai Hoàng Thanh D và vợ Bà Trần Thị Anh T. Do vậy, cần buộc bị đơn Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ông Mai Hoàng Thanh D và Bà Trần Thị Anh T số tiền 700.000.000đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là: 20.000.000đồng + (300.000.000đồng x 4%) = 32.000.000đồng.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 180; Điều 203; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27, 33 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Mai Hoàng Thanh D và Bà Trần Thị Anh T số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T và bà Đinh Thị Thu P phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

Hoàn trả cho Ông Mai Hoàng Thanh D số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006399 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- Chi cục THADS TPLK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đồng Thị Hương